

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	21
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Lớp và tổ chức lớp học	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	45
Tiêu chí 3.2: Phòng học	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	53

Tiêu chí 3.6: Thư viện	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	56
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	57
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	61
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	63
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	64
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	67
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	69
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	76
Phần IV. PHỤ LỤC	77

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x		
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	

<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Trần Văn Danh

Tên trước đây (nếu có): Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn
Xã/phường/thị trấn	Đông Thạnh
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2007
Công lập	X
Tư thực	Không
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Đức Tài
Điện thoại	028.3535.4.789
Fax	Không
Website	thtranvandanh.hcm.edu.vn
Số điểm trường	01 điểm chính
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	18	18	13	08	8
Khối lớp 2	07	16	16	13	8
Khối lớp 3	05	06	16	15	13
Khối lớp 4	10	05	06	15	15
Khối lớp 5	16	10	05	06	15
Cộng	56	55	56	57	59

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	66	66	66	66	66	
1	Phòng học	49	49	49	49	49	
a	Phòng kiên cố	49	49	49	49	49	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	07	07	07	07	07	
a	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07	

b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	10	10	10	10	10	
a	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	08	08	08	08	08	
1	Phòng kiên cố	08	08	08	08	08	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	75	75	75	75	75	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	01	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	02	00	
Giáo viên	71	65	01	00	71	00	
Nhân viên	05	05	00	00	05	00	
Cộng	79	70	00	00	78	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	49	54	63	70	71
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	0,9	1,0	1,1	1,2	1,2
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	02	02	00	08
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	2522	2538	2600	2602	2627	
	- Nữ	1241	1222	1236	1234	1265	
	- Dân tộc thiểu số	52	55	50	47	47	
	- Khối lớp 1	809	748	533	344	330	
	- Khối lớp 2	302	776	752	523	344	
	- Khối lớp 3	225	316	768	701	539	
	- Khối lớp 4	468	231	309	735	681	
	- Khối lớp 5	718	467	238	299	733	
2	Tổng số tuyển mới	809	748	533	344	330	
3	Học 2 buổi/ngày	2522	2538	2600	2602	2627	
4	Bán trú	1281	2203	2292	2281	1923	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	45	46	46	45	45	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100 %	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	397	361	249	157	178	
	- Dân tộc thiểu số	08	05	03	04	04	

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	00	00	00	00	00	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	02	05	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	16	04	05	08	10	
	- <i>Nữ</i>	14	01	02	04	06	
	- <i>Dân tộc thiểu số</i>	00	00	00	00	01	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,6%	99,6%	99,6%	99,6%	99,6%	
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Trần Văn Danh tọa lạc tại địa chỉ số 11A đường Đặng Thúc Vịnh, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thành lập theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường được tách ra từ Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám từ năm học 2007-2008, hoạt động tại địa điểm Hương lộ 80B, Ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn. Tại thời điểm này, nhà trường có 16 lớp học. Đến đầu năm học 2013-2014, Trường Tiểu học Trần Văn Danh dời về cơ sở mới (số 1185/50A, đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp 7, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) trên diện tích khuôn viên trường 13.011m² gồm 49 phòng học, 16 phòng chức năng.

Để đáp ứng mục tiêu phát triển ngày càng cao của xã hội; từ năm học 2013-2014 đến nay nhà trường tổ chức thực hiện loại hình lớp học 02 buổi/ngày đạt 100%; chương trình Tiếng Anh tự chọn từ năm học 2011-2012 và Tiếng Anh đề án từ năm học 2013-2014. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giáo viên tích cực tham gia giảng dạy giáo án điện tử, sử dụng bảng tương tác.

Năm học 2022-2023, toàn trường có 85 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc diện biên chế (Cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 70, nhân viên: 05). Trong đó có 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Tập thể sư phạm nhà trường luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, dân chủ, có trách nhiệm trong công việc; giáo viên năng động, sáng tạo, luôn học hỏi, tìm tòi, tích cực vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy năng lực học tập của học sinh.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt truyền thống, lễ hội, tham quan ngoại khóa nhằm giáo dục tư tưởng, rèn luyện

kỹ năng sống, ý thức tuân thủ pháp luật, phát triển năng khiếu...góp phần hình thành, phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh.

Trường Tiểu học Trần Văn Danh có một quá trình phát triển bền vững: Nhiều năm liền, trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc; Năm học 2019-2020, nhà trường được nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Năm học 2021-2022 tập thể nhà trường được nhận Cờ thi đua thành phố; Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được đội ngũ giáo viên và học sinh tích cực tham gia hưởng ứng. Chất lượng giáo dục, các hoạt động phong trào có hiệu quả, đi vào chiều sâu và đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của cha mẹ học sinh và xã hội. Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Trường Tiểu học Trần Văn Danh được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 (lần 2) theo quyết định số 1574-57/QĐ-GDDT-KTKĐCLGD ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Các giá trị truyền thống của Trường Tiểu học Trần Văn Danh

Trường luôn đề ra các phương châm:

+ Sự hợp tác, đoàn kết, sáng tạo. Tinh thần trách nhiệm, tận tâm, tận tụy, tận lực. Tự trọng, có lòng nhân ái, bao dung độ lượng. Thân thiện, khôn khéo, khát vọng vươn lên.

+ Xây dựng tốt khối đoàn kết nội bộ, vượt qua mọi khó khăn, thời cơ, thách thức; không ngừng sáng tạo, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phấn đấu từng bước đưa nhà trường tiếp cận với mô hình trường tiên tiến hiện đại.

+ Thực hiện tốt các chủ trương chính sách xã hội hoá giáo dục của thành phố, của Đảng và nhà nước; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất ổn định, khang trang, sạch đẹp, hiện đại.

Sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường

Xây dựng được môi trường dạy - học nền nếp, kỷ cương và có chất lượng. Giáo dục và hình thành cho học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

2. Mục đích tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường xác định đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của Trường Tiểu học Trần Văn Danh để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1, từng bước đạt Cấp độ 2,3 và công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường tiểu học không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Thông qua kiểm định chất lượng giúp nhà trường nhìn rõ được chất lượng đào tạo để có định hướng cải tiến và nâng cao hiệu quả giáo dục cũng như định hướng phát triển cho nhà trường. Qua đó, cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Tiểu học Trần Văn Danh đạt kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2019 - 2023.

Với mục đích và nhận thức đó, Trường Tiểu học Trần Văn Danh, huyện Hóc Môn đã triển khai, phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, các cá nhân phối hợp thực hiện. Các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục được triển khai trong toàn thể hội đồng nhà trường và tiến hành tự đánh giá.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai.

- Thực hiện theo “Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên” kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Kế hoạch tự đánh giá của nhà trường được xây dựng bao gồm các nội dung: mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá; dự kiến các

thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; thời gian biểu cho từng hoạt động.

- Căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường phân công các nhóm tiến hành thu thập thông tin và minh chứng, yêu cầu thông tin, minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và chính xác, được thu thập ở hồ sơ lưu trữ của trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến hoạt động của trường. Các thông tin, minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá của trường. Phiếu đánh giá tiêu chí được lập cho từng tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá.

- Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của trường đã đối chiếu nhiệm vụ thực hiện với từng tiêu chí đặt ra, đồng thời thu thập thêm các ý kiến đóng góp từ nội bộ tập thể sư phạm. Từ đó, nhà trường thấy được những mặt thực hiện tốt và những điểm hạn chế theo từng tiêu chí. Một số tiêu chí, kế hoạch của nhà trường tuy đúng quy chế nhưng chưa phù hợp với yêu cầu của tiêu chí nên không đạt theo chuẩn quy định. Năm học 2022-2023 nhà trường sẽ đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục những hạn chế ở từng tiêu chí để đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng nhà trường ngày càng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Để tổ chức tự đánh giá, hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 142/QĐ-TVD ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá. Trong buổi họp hội đồng giáo dục nhà trường, hiệu trưởng đã triển khai đầy đủ đến toàn thể các thành viên về Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Hội đồng tự đánh giá của Trường Tiểu học Trần Văn Danh gồm 14 thành viên, nhóm thư ký 02 người và nhóm công tác gồm 14 người đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá theo tiến độ như sau:

- Ngày 03 tháng 9 năm 2022: Hiệu trưởng triển khai kế hoạch tự đánh giá.

- Ngày 07 tháng 9 năm 2022: Hiệu trưởng tập huấn Hội đồng tự đánh giá việc thực hiện viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí (chuyên sâu). Và phân công các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết báo cáo theo tiêu chuẩn phụ trách; phân nhóm thư ký.

- Từ ngày 08 tháng 9 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. Nhóm công tác phân loại và mã hóa các minh chứng thu được, cá nhân viết phiếu đánh giá các tiêu chí.

- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 05 tháng 10 năm 2022: Các nhóm thư ký tổng hợp các tiêu chuẩn từ các thành viên.

- Từ ngày 06 tháng 10 năm 2022 đến ngày 20 tháng 10 năm 2022: Chính sửa báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 10 năm 2022: Hoàn chỉnh và nộp báo cáo tự đánh giá nhà trường về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn.

- Từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 12 năm 2022: Hội đồng tự đánh giá chỉnh sửa Báo cáo tự đánh giá sau khi Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn góp ý.

- Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, nhà trường tiến hành đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan quản lý trực tiếp.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Cán bộ quản lý hoạt động đều tay, các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp. Các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có trình độ chuyên

môn cao, có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chuyên môn, góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch số 262/KH-TiH.TVD ngày 29 tháng 4 năm 2020 về chiến lược phát triển Trường Tiểu học Trần Văn Danh giai đoạn 2020-2025 phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Kế hoạch đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt ngày 01 tháng 9 năm 2020 [H1-1.1-01].

Kế hoạch được công bố công khai bằng nhiều hình thức như niêm yết tại bảng tin nhà trường, đăng tải trên cổng thông tin điện tử website *thtranvandanh.e-school.edu.vn* [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược xây dựng phát triển nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Kế hoạch nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt. Trường thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng cùng Hội đồng trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như nguồn lực của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng Trường Tiểu học Trần Văn Danh nhiệm kỳ 2017-2021 được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký Quyết định số 73/QĐ-GDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học [H1-1.2-02] và các Hội đồng tư vấn khác [H1-1.2-03].

Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ 03 lần/năm để triển khai phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, thực hiện kế hoạch năm học, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Ngoài ra, trường còn tổ chức các buổi họp đột xuất khi cần để giải quyết những vấn đề phát sinh; Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội đồng tư vấn khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ [H1-1.2-03].

Các hội đồng trong nhà trường họp định kỳ để rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm những hoạt động trong năm [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả. Các bộ phận hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, chưa có báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, chủ tịch hội đồng trường sẽ tổ chức họp định kỳ theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học bao gồm: tổ chức Công đoàn với 94 công đoàn viên, Ban Chấp hành Công đoàn và Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Tiểu học Trần Văn Danh nhiệm kỳ 2019-2024 được Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn công nhận theo quyết định số 209/QĐ-LĐLĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019; Đoàn Thanh niên Cộng sản

Hồ Chí Minh với 32 đoàn viên; Ban Chấp hành Chi đoàn Trường Tiểu học Trần Văn Danh được công nhận theo Quyết định số 33-QĐ/ĐTN ngày 28 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đoàn xã Đông Thạnh [H1-1.3-02]; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh với tổng số 558 đội viên, Ban chỉ huy Liên đội là 09 đội viên, 11 Chi đội và 180 Sao nhi đồng [H1-1.3-03].

Công đoàn cơ sở trường hoạt động theo Luật Công đoàn Luật số 12/2012/QH13 và sự chỉ đạo trực tiếp của Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn, của Chi bộ nhà trường; Chi đoàn hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đoàn xã Đông Thạnh và sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được tổ chức hoạt động theo kế hoạch của nhà trường và của Hội đồng Đội huyện dưới sự hướng dẫn của Tổng phụ trách Đội; Sao nhi đồng hoạt động dưới sự chỉ đạo của Tổng phụ trách đội và phụ trách Chi, tuy nhiên hoạt động của Sao Nhi đồng chưa đi vào chiều sâu. Ngoài ra, các tổ chức chính trị - xã hội trong trường còn có Hội chữ thập đỏ trường được tổ chức và hoạt động theo quy định [H1-1.3-09].

Hàng năm các hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Đội, Sao nhi đồng và các tổ chức hội được rà soát, đánh giá hoạt động và báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam với 28 đảng viên trong đó có 24 đảng viên chính thức, 04 đảng viên dự bị; Chi ủy Chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 được chuẩn y theo quyết định số 129-QĐ/ĐU ngày 14 tháng 09 năm 2022 của Đảng ủy xã Đông Thạnh. Chi bộ sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng, sinh hoạt chuyên đề 01 quý/lần; nội dung đảm bảo vai trò lãnh đạo tập trung dân chủ và thống nhất [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; Tính đến thời điểm đánh giá: năm 2015, 2016, 2017 Chi bộ trường đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh; năm 2018, 2019 chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-08].

Mức 3:

Từ năm 2015 đến năm 2017, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của trường đều đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh; Năm 2018, năm 2019 và năm 2021 chỉ bộ đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2020 Chi bộ đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các đoàn thể, tổ chức đã có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Từ năm học 2015-2016 đến nay, Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc; Chi đoàn, Liên đội luôn đạt danh hiệu xuất sắc [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh

Từ năm 2015 đến nay, chi bộ trường đều được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Hoạt động của tổ chức Sao Nhi đồng chưa đa dạng, phong phú về hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng sẽ chỉ đạo Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đề ra những giải pháp phát huy tốt vai trò của phụ trách sao nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt của Sao Nhi đồng năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Tiểu học Trần Văn Danh có hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng do quy mô trên 28 lớp; Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ký và hai phó hiệu trưởng do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường thành lập 06 tổ chuyên môn (bao gồm tổ 1, 2, 3, 4, 5, tổ bộ môn tiếng Anh) và tổ Văn phòng, mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó được hiệu trưởng bổ nhiệm từ đầu năm học theo đúng chức năng quy định tại Điều 18 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện theo đúng chức năng, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Điều 18, 19 của Điều lệ trường tiểu học (Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2014): Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và các quy định khác hiện hành; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên [H1-1.4-04]. Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kì hai tuần một lần và họp đột xuất theo yêu cầu của công việc, nội dung sinh hoạt tập trung nhận định, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, các công

việc đã thực hiện trong tháng và đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm cho thời gian kế tiếp [H1-1.4-05].

Mức 2:

Mỗi năm học, dựa trên nhu cầu thực tế của từng tổ khối, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, mỗi tổ khối thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/tháng nhằm giúp giáo viên học tập, nâng cao tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-06].

Hàng tháng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có rà soát, đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của tổ văn phòng chưa có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn đã tổ chức tốt các chuyên đề, thao giảng góp phần nâng cao tay nghề cho giáo viên và chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hoạt động tổ văn phòng chưa hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo tổ văn phòng điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của từng bộ phận sao cho chất lượng của nhà trường được nâng cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đủ các khối lớp cấp tiểu học, mỗi lớp học hiệu trưởng đều phân công một giáo viên chủ nhiệm và có đủ giáo viên chuyên trách dạy bộ môn: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục, tiếng Anh [H1-1.5-01].

Học sinh được tổ chức theo lớp học riêng không có lớp ghép; Mỗi lớp có lớp trưởng, 02 lớp phó, được chia thành các tổ; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do tập thể học sinh bầu chọn dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02].

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tổ chức các hoạt động của lớp đảm bảo theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2022-2023, Trường Tiểu học Trần Văn Danh có 2676 học sinh được biên chế vào 59 lớp [H1-1.5-01].

Số học sinh bình quân trong mỗi lớp là 46 em, vượt quá quy định của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-01].

Lớp học được tổ chức linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục toàn diện học sinh [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ giáo viên chuyên trách dạy bộ môn theo qui định. Lớp học được giáo viên tổ chức linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục toàn diện học sinh.

3. Điểm yếu

Trường có 59 lớp, mỗi lớp có sĩ số bình quân 46 học sinh vượt chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều 17, Chương II của Điều lệ trường tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu Lãnh đạo Phòng Giáo và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có lộ trình giảm chỉ tiêu tuyển sinh để trường đảm bảo quy mô lớp, sĩ số lớp để thực hiện chiến lược phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ và sử dụng hồ sơ theo quy định của Luật Lưu trữ và theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục, trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục

vụ hoạt động giáo dục trong trường như: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá học sinh hoặc sổ theo dõi chất lượng giáo dục; học bạ của học sinh; phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ theo dõi công văn đi, đến; hồ sơ lưu báo cáo các bộ phận [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Hàng năm, kế toán lập dự toán, thực hiện thu chi; quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản [H1-1.6-03]; Hồ sơ thu chi tài chính được công khai ở bản tin và Hội nghị cán bộ công chức viên chức, đầu mỗi năm học hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ tự kiểm tra tài chính, tài sản [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức đầu năm; định kỳ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].

Nhà trường thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý tài sản, tài chính hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.2-04].

Mức 2:

Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường qua phần mềm kế toán IMAS, PMIC, Cổng thông tin điện tử C1 và phần mềm quản lý tài sản quốc gia [H1-1.6-07];

Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2015 đến năm 2019 trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.2-04].

Mức 3:

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Hồ sơ quản lý của nhà trường được lưu trữ tốt theo các bộ phận.

Các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản được khai thác và sử dụng có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên mỗi đầu năm học nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ phù hợp yêu cầu đổi mới của giáo dục và xã hội [H1-1.7-01].

Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý phù hợp với năng lực sở trường từng thành viên để đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; tham gia đóng góp ý kiến theo quy chế dân chủ, và được hưởng các chế độ chính sách của Luật Lao động [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động đào tạo và bồi dưỡng hằng năm đề ra các giải pháp như: tạo điều kiện để giáo viên học bồi dưỡng nâng cao trình độ, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ; tổ chức tốt các chuyên đề, thao giảng, nâng cao hiệu quả sinh hoạt tổ chuyên môn nhằm bồi dưỡng, phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; tuy nhiên còn một số giáo viên lớn tuổi nên việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy còn hạn chế [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên; đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trường theo đúng quy định. Trường chú trọng xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hằng năm.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên lớn tuổi nên việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tạo điều kiện cho giáo viên lớn tuổi cập nhật và phân công đội ngũ trẻ tuổi hướng dẫn sử dụng giáo án điện tử vào việc giảng dạy ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch từng học kỳ, tháng, tuần được thực hiện đầy đủ và có theo dõi báo cáo tiến độ kịp thời [H1-1.4-07].

Kế hoạch được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và văn bản chỉ đạo của cấp trên, một vài giáo viên chưa linh hoạt, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1-1.2-04]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả qua biên bản kiểm tra chuyên môn của cấp trên [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt các hoạt động giáo dục; những giải pháp để thực hiện kế hoạch đảm bảo tính khoa học, hợp lý, phù hợp thực tế và có sự thống nhất chung của toàn đơn vị nên mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hoạt động dạy học trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên chưa linh hoạt, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, phó hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn tăng cường trao đổi, đề xuất các định hướng đổi mới trong xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động giáo dục cơ sở công lập [H1-1.9-01].

Trong 5 năm qua, nhà trường không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị; Tuy nhiên trường chỉ có phản ánh bằng hình thức gặp trực tiếp trao đổi về việc dạy của giáo viên và được nhà trường giải thích thỏa đáng, phụ huynh đồng tình [H1-1.9-02].

Hằng năm trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức, Công đoàn có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường [H1-1.9-03].

Mức 2:

Hội đồng trường giao bộ phận Công đoàn chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch và có báo cáo trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.7-03]; [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; mỗi thành viên trong nhà trường đều xác định rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình trong thực thi công vụ. Những giải pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn trường hợp cha mẹ học sinh trực tiếp phản ánh, trao đổi với cán bộ quản lý về việc dạy học của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo đội ngũ giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện tốt công tác dạy và học nhằm tránh cha mẹ học sinh phản ánh, làm ảnh hưởng uy tín của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, quy chế, các phương án đảm bảo an toàn trường học, đồng thời phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, cổng trường thông thoáng, sạch đẹp; phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai bão, lũ lụt, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực xâm nhập vào nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]. Trường có kế hoạch, phương án xử lý ngộ độc thực phẩm, bếp ăn của đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp Huỳnh Hải được xây dựng theo nguyên tắc một chiều và đã được Ban An toàn vệ sinh thực phẩm thành phố cấp giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm [H1-1.10-04].

Trường có hộp thư góp ý đặt tại cổng chính, cung cấp số điện thoại của hiệu trưởng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh học sinh, người dân [H1-1.10-05]; Nhà trường thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; Trường có hệ thống camera giám sát, bảo vệ trực 24/24 giờ; Hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy luôn được kiểm tra và vận hành tốt; Từ năm học 2018-2019 đến nay, trường được công nhận trường học an toàn [H1-1.10-06].

Trong nhiều năm qua, nhà trường thực hiện tốt phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”; không xảy ra hiện tượng phân biệt kì thị, hành vi bạo lực, những quy định về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.10-06].

Mức 2:

Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng,

chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1-10-07].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả, do học sinh của nhà trường còn nhỏ nên việc phòng, chống tai nạn thương tích còn hạn chế [H1-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện tốt về quyền và trách nhiệm của mình. Không có xảy ra kì thị, vi phạm về giới và bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Học sinh của nhà trường còn nhỏ nên việc phòng, chống tai nạn thương tích còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách Đội phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thường xuyên thực hiện tốt việc giảng dạy lồng ghép phòng chống tai nạn thương tích trong chương trình chính khóa và ngoại khóa. Tổ trưởng văn phòng phân công bảo vệ tăng cường kiểm tra cơ sở vật chất, có biện pháp phòng ngừa tai nạn, thương tích xảy ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục theo định

hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn 2020 - 2025 và các nguồn lực của nhà trường.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội đồng trường và các tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiều năm liền.

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng, đồng bộ và hiệu quả theo quy định; có đủ các khối lớp cấp tiểu học (từ khối 1 đến khối 5) theo đúng quy định. Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý chương trình giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, quản lý đất đai, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất đạt hiệu quả.

Hằng năm, nhà trường có đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ và phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày 100%.

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả. Được sự phối hợp của cơ quan chức năng phường, quận để thực hiện các công tác này. 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh thực hiện tốt về quyền và trách nhiệm của mình. Không có xảy ra kì thị, vi phạm về giới và bạo lực trong nhà trường.

Trong các năm qua, hoạt động của nhà trường đã đi vào nề nếp, ổn định và ngày càng được hoàn thiện. Dân chủ trong nhà trường luôn được phát huy tạo

được sự đoàn kết thống nhất cao. Từ đó đã góp phần thúc đẩy các hoạt động, đưa chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng nâng cao, tạo niềm tin trong học sinh, tập thể sư phạm, cha mẹ học sinh và địa phương, lãnh đạo cấp trên.

Điểm yếu cơ bản

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Trường có 59 lớp, mỗi lớp có sĩ số bình quân 46 học sinh vượt chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều 17, Chương II của Điều lệ trường tiểu học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý có đủ sức khỏe, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhiệt tình và năng động trong công tác quản lý. Giáo viên, nhân viên biên chế của nhà trường được đảm bảo các chế độ, chính sách hiện hành. Nội bộ nhà trường đoàn kết, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức. Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học, được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt Chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng đạt trên chuẩn chuẩn (Thạc sỹ quản lý giáo dục) và phó hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ đào tạo, lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý, đủ sức khỏe theo quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt Xuất sắc từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023; đạt loại Khá năm học 2019-2020 [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn được đánh giá chuẩn Tốt từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022; đạt loại Khá năm học 2020-2021; tuy nhiên cán bộ quản lý giao tiếp với giáo viên bản ngữ thiếu tự tin [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt trình độ trung cấp chính trị và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo Điều lệ trường tiểu học; Cán bộ quản lý được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp (từ năm học 2017-2019 đến năm học 2020-2021), chuẩn Hiệu trưởng đạt mức Xuất sắc; năm học 2019-2020 chuẩn hiệu trưởng đạt mức Khá [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn vững vàng; trình độ trên chuẩn đào tạo, được đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý giao tiếp với giáo viên bản ngữ thiếu tự tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường; phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị; tự bồi dưỡng kiến thức môn tiếng Anh để giao tiếp với giáo viên bản ngữ tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác; Trong đó:

- + Giáo viên nhiều môn: 64 Giáo viên
- + Giáo viên Anh văn: 04 Giáo viên
- + Giáo viên Âm nhạc: 01 Giáo viên
- + Giáo viên Thể dục: 04 Giáo viên
- + Giáo viên Tin học: 01 Giáo viên
- + Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội: 01 giáo viên [H1-1.7-02].

Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

Hằng năm, giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp từ mức Khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H2-2.2-03].

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường đảm bảo có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tục đến tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-1.2-04].

Mức 3:

Trường hiện chưa có tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo qui định [H2-2.2-03].

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021, trường có trên 20% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Năm học 2022-2023 trường có 3,7% giáo viên đạt mức tốt theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ở mức Khá.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đạt chuẩn nghề nghiệp mức Tốt cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có số lượng nhân viên đủ để đáp ứng các nhiệm vụ mà hiệu trưởng phân công [H1-1.7-02].

Hiệu trưởng phân công công việc, nhiệm vụ cho từng nhân viên phù hợp với năng lực và trình độ của mỗi cá nhân [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức hàng năm, các nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02].

Mức 2:

Trường có hợp đồng đủ cơ cấu số lượng nhân viên đảm bảo quy định phụ trách từng bộ phận như: thủ quỹ, văn thư, thư viện - thiết bị...[H1-1.7-02].

Trong 5 năm qua, nhà trường không để xảy ra tình trạng nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-04].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên đáp ứng được vị trí việc làm

Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm theo lịch tổ chức của cấp trên [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên đảm bảo đủ cơ cấu theo quy định tất cả nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt công việc được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên thư viện – thiết bị mới được tuyển dụng viên chức nên chưa có nhiều kinh nghiệm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng giáo dục huyện Hóc Môn theo dõi và đề cử nhân viên thư viện – thiết bị tham gia các lớp chuyên môn chuyên sâu hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học, không có trường hợp học trước hoặc trễ tuổi theo quy định [H2-2.4-01].

Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học được giáo viên chủ nhiệm theo dõi và đánh giá trên hồ sơ [H2-2.4-02].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác [H1-1.2-04]; [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên giáo dục học sinh về các hành vi không được làm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi các em trong các lần sinh hoạt dưới cờ nhằm giúp học sinh thực hiện tốt các hành vi đạo đức, vẫn còn một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa được cha mẹ học sinh quan tâm đúng mức [H2-2.4-03].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện được nhà trường khen thưởng, tuyên dương kịp thời trước toàn trường nên có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Trường lưu trữ đầy đủ danh sách học sinh các lớp học, đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định. Tất cả học sinh đều thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh, những quy định về các hành vi học sinh không được làm, được chăm sóc và giáo dục tốt.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa được cha mẹ học sinh quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được; tích cực vận động cha mẹ học sinh quan tâm nhiều đến các em, tham mưu với chính quyền địa phương và vận động mạnh thường quân chăm lo tốt hơn cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý của trường luôn được tập thể sư phạm nhà trường tin nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn, có trình độ lý luận chính trị, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục. Trường có trên 90% giáo viên có trình độ đạt chuẩn. Tất cả học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, được tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục của nhà trường, được rèn luyện để trở thành những học sinh có nhân cách tốt, mạnh dạn, tự tin, tích cực, sáng tạo.

Điểm yếu cơ bản

Trường còn thiếu nhân viên làm công tác thư viện - thiết bị, Giáo viên – Tổng phụ trách Đội, văn thư – học vụ trong định biên để hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm bớt chi phí chi từ nguồn hoạt động của đơn vị.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất là một trong những yêu cầu rất cần thiết giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy.

Nhà trường luôn quan tâm đáp ứng tốt yêu cầu cơ sở vật chất, diện tích sân chơi, phòng học, thiết bị giáo dục và môi trường sư phạm. Cơ sở vật chất khang trang góp phần đảm bảo việc thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện.

Các công trình phục vụ công tác hành chính, hoạt động giảng dạy và học tập, sân chơi, nhà để xe, khu vực vệ sinh đầy đủ theo đúng quy định. Trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động quản lý và giảng dạy. Nhà trường đã chú ý đầu tư trang thiết bị hiện đại, công nghệ thông tin nhằm hoàn thiện nhiệm vụ dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Cổng trường và tường rào xây bảo vệ cao 2,15 m và 2,85 m đảm bảo an toàn, thẩm mỹ, trường có 03 cổng đảm bảo thông thoáng cho học sinh ra vào trường, biển tên trường rõ ràng đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Điều lệ trường tiểu học. Trường còn trang trí nhiều khẩu hiệu mang tính giáo dục và phù hợp với yêu cầu cụ thể của nhà trường trong từng năm học [H3-3.1-02].

Sân chơi, sân tập thể dục thể thao được bố trí, xây dựng theo quy định, đảm bảo yêu cầu cho học sinh luyện tập thường xuyên, có hiệu quả [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khuôn viên nhà trường rộng, thoáng với tổng diện tích là 13011 m², diện tích bình quân là 5 m²/học sinh. Diện tích sân chơi là 5028 m², có sân bóng đá, bóng chuyền và khu vực trò chơi dân gian dành cho học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị thể dục thể thao đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-05].

Mức 3:

Sân trường tráng bê tông sạch sẽ, có trồng cây bóng mát xung quanh trường và cây kiểng trong các bồn hoa, chậu kiểng. Tuy nhiên, nhà trường còn hạn chế trong việc trang bị các dụng cụ như: đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh ngoài trời [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên riêng biệt, thoáng mát, sạch đẹp, an toàn, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, môi trường học thân thiện. Xung quanh sân trường có nhiều cây có bóng mát, không gian rộng rãi dành cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn hạn chế trong việc trang bị các dụng cụ như: đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh ngoài trời.

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng bình quân tối thiểu 6m²/học sinh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xin chủ trương phê duyệt kinh phí mua sắm đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh ngoài trời nhằm phục vụ học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường bố trí đủ mỗi lớp 01 phòng học riêng biệt, đảm bảo 100% học sinh được học 02 buổi/ngày; quy cách phòng học đảm bảo đúng theo quy định tại Tiêu Chuẩn quốc gia TCVN 8793: 2011 về trường tiểu học - yêu cầu thiết kế [H3-3.2-01].

Phòng học có đủ bàn, ghế đúng tiêu chuẩn cho học sinh. Trường có 19 học sinh khuyết tật vận động học hòa nhập. Bàn ghế giáo viên, bảng lớp đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, sức khỏe, thể chất cho học sinh theo Thông tư số 26/2011/TTLT

BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông [H3-3.2-02].

Lớp học có đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

Diện tích phòng học đạt theo tiêu chuẩn của bộ y tế [H3-3.2-03].

Mỗi phòng học được trang bị tủ đựng đồ dùng dạy học theo đúng quy định cho từng lớp học; đảm bảo có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Bàn ghế học sinh đảm bảo đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học và dành để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

2. Điểm mạnh

Trường có trang bị bàn ghế phù hợp cho 19 học sinh khuyết tật vận động học hoà nhập.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học và dành để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo giảm quy mô lớp để đảm bảo có các phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học và dành để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022, trường có đầy đủ các phòng giáo dục nghệ thuật gồm: phòng Âm nhạc, Mỹ thuật; phòng học Tin học, phòng Thiết bị giáo dục, phòng Truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính - quản trị: phòng Hành chính – Kế toán, phòng y tế, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-02].

Trường có nhà xe riêng biệt dành cho giáo viên và học sinh theo từng khu vực, đảm bảo an toàn trật tự và thẩm mỹ đúng theo quy định [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị: phòng Hành chính - Kế toán, phòng y tế, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

Trường có nhà xe riêng biệt dành cho giáo viên theo từng khu vực, đảm bảo an toàn trật tự và thẩm mỹ đúng theo quy định.

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học

3. Điểm yếu

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học. Tuy nhiên, vẫn chưa hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tiếp tục thực hiện lộ trình thay thế các thiết bị phục vụ học tập và hành chính quản trị từng năm đáp ứng nhu cầu dạy và học tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khu vệ sinh dành riêng cho học sinh nam, học sinh nữ đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, nhà trường chưa có nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật [H3-3.1-04].

Trường có hệ thống thoát nước tốt, thông thoáng, có sơ đồ do công trình để lại để phục vụ sửa chữa khi cần thiết [H3-3.4-01]; Nguồn nước uống, trường hợp đồng mua nước đóng bình đảm bảo vệ sinh [H3-3.4-02]; Trường sử dụng nước giếng khoan để tưới cây xanh, đảm bảo sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho cán bộ, giáo viên và học sinh, các nguồn nước sử dụng trong nhà trường được xét nghiệm định kỳ có giấy chứng nhận của cơ quan y tế chức năng [H3-3.4-03].

Nhà trường có hợp đồng Công ty Dịch vụ công ích Hóc Môn thu gom rác thải, khu thu gom rác đặt ở vị trí phù hợp đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định [H3-3.4-04].

Mức 2:

Toàn bộ các nhà vệ sinh đều có đầy đủ lavabo rửa tay, nước sạch, xà bông, ánh sáng đèn điện đảm bảo an toàn vệ sinh, được xây dựng ở vị trí phù hợp với cảnh quan nhà trường, trang trí đẹp mang thông điệp tích hợp giáo dục [H3-3.1-04].

Nhà trường sử dụng nước máy để sinh hoạt, hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đúng quy định, trường có thùng đựng và phân loại rác thải riêng biệt, rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo an toàn vệ sinh trường học [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Số lượng nhà vệ sinh đáp ứng được nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Khu nhà vệ sinh luôn được dọn dẹp sạch sẽ, không có mùi hôi, trang trí thân thiện, có hệ thống loa nhạc phục vụ giờ chơi. Bảo vệ làm tốt công tác bảo quản an toàn tài sản cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trường có hệ thống nước máy do nhà máy nước Trung An – Củ Chi cung cấp và thực hiện xét nghiệm nước hằng năm; hệ thống thoát nước, thu gom rác đạt yêu cầu, thẩm mỹ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn xây dựng nhà vệ sinh riêng dành cho học sinh khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in, máy photocopy,... và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

Trường trang bị đủ thiết bị dạy học theo quy định Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học [H3-3.2-04].

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh [H3-3.5-02].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-03].

Nhà trường trang bị đủ cho mỗi giáo viên có 01 bộ đồ dùng dạy học riêng theo danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H3-3.2-04]; [H3-3.5-04].

Hằng năm, nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học và giáo viên các khối lớp tích cực làm thêm đồ dùng dạy học nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học, trang thiết bị dạy học được cung cấp. Đa số giáo viên đều biết ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy và học.

3. Điểm yếu

Phong trào tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên còn hạn chế nên việc áp dụng thiết bị đồ dùng dạy học tự làm chưa được hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn đẩy mạnh việc làm đồ dùng dạy học của giáo viên qua các hội thi; có kế hoạch hỗ trợ kinh phí để giáo viên làm đồ dùng dạy học chất lượng, hiệu quả sử dụng lâu dài và phục vụ cho tiết dạy tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện trường được trang bị đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, sách nghiệp vụ, sách tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

Thư viện có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng; lập và lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định, thư viện mở cửa thường xuyên phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường, có bàn ghế phục vụ học sinh đọc trong giờ ra chơi, giờ nghỉ giữa hai buổi học [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Hằng năm, thư viện bổ sung kịp thời các loại đầu sách, tạp chí phục vụ nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-01].

Năm học 2019-2020, trường được Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trao tặng Thư viện xanh với diện tích 48m². Năm học 2020-2021, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trao tặng mảng lát gạch sân chơi với diện tích 125m²

Mức 2:

Từ năm học 2017-2018 đến nay, thư viện trường được công nhận thư viên tiên tiến theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-03].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-03]. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của cán bộ quản lý, hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, do đường truyền internet đôi khi không ổn định, do vậy việc khai thác sử dụng thông tin mạng trong thư viện đôi khi còn chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có nội dung hoạt động phù hợp với giáo dục toàn diện của giáo viên và tâm lý của lứa tuổi học sinh, có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo đáp ứng kịp thời và phục vụ tốt cho nhu cầu hoạt động nghiên cứu giảng dạy, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi, văn học nghệ thuật,... được sắp xếp khoa học, tổ chức mục lục theo đúng nghiệp vụ thư viện.

3. Điểm yếu

Đường truyền internet đôi khi không ổn định, do vậy việc khai thác sử dụng thông tin mạng trong thư viện đôi khi còn chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2022-2023, và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục nâng cấp hệ thống wifi để tạo điều kiện cho thư viện phục vụ và đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh tại thư viện tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đầy đủ. Trường có khuôn viên riêng biệt, cảnh quan, môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, thoáng mát. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu dạy và học. Thư viện tiên tiến được nối mạng Internet, có đầy đủ sách và trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Nhà vệ sinh luôn sạch sẽ. Môi trường giáo dục an toàn tạo sự an tâm và tin tưởng trong phụ huynh học sinh.

Điểm yếu cơ bản

Đường truyền internet đôi khi không ổn định, do vậy việc khai thác sử dụng thông tin mạng trong thư viện đôi khi còn chưa đạt hiệu quả cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/6

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Trường Tiểu học Trần Văn Danh luôn xác định việc phối hợp chặt chẽ giữa 03 nhân tố nhà trường, gia đình và xã hội tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động; tham mưu với cấp ủy Đảng các nội dung về giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và thực tế nhà trường; phối hợp tốt với chính quyền và các tổ chức, đoàn thể ở địa phương góp phần thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng ổn định và phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu năm học nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh tại các lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 03 thành viên [H4-4.1-01]; trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ trường Tiểu học [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học phù hợp với thực tế tại trường và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H4-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội trong năm học, thời gian thực hiện nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tốt [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ hoạt động dạy và học của nhà trường về khen thưởng, khuyến khích các hoạt động của học sinh cũng như tài trợ vật chất cho các em trên tinh thần tự nguyện một cách hiệu quả, tạo điều kiện tốt

trong việc tổ chức các phong trào học tập, hoạt động ngoại khóa cho học sinh. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức để tăng cường thêm sự hiểu biết của cha mẹ học sinh về mục tiêu giáo dục tiểu học; huy động học sinh đến trường, không có hiện tượng học sinh bỏ học [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong các buổi sinh hoạt tập thể, họp cha mẹ học sinh, lễ khai giảng và tổng kết năm học tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong phụ huynh, trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học; tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên hiểu chưa đúng về cách đánh giá học sinh tiểu học theo hướng dẫn của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT [H1-1.2-04]; [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động rất hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong các hoạt động dạy và học, quan tâm đến việc giúp đỡ các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hiếu học.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh duy trì các hoạt động để thúc đẩy nhà trường phát triển hơn và tăng cường hình thức tuyên truyền, trao đổi đến cha mẹ học sinh các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động giảng dạy, tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong trường, Hiệu trưởng xây dựng và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đoàn thể, chính quyền địa phương để phối hợp giải quyết những công việc có liên quan đến công

tác giáo dục của nhà trường cũng như chăm lo quyền lợi của học sinh [H4-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như: qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông [H4-4.2-02].

Nhà trường không huy động nguồn kinh phí từ cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân khác.

Mức 2:

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường [H4-4.2-04].

Hằng năm, nhà trường có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể tổ chức các lễ hội để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh, giúp học sinh ôn luyện, giữ gìn và phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tạo điều kiện giúp học sinh tìm hiểu văn hóa dân tộc, chăm sóc các di tích lịch sử ở địa phương như: viếng Bia tưởng niệm xã Đông Thanh, Đài liệt sĩ huyện Hóc Môn, Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng,...

Mức 3:

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các tiết học ngoại khóa, các tiết sinh hoạt lớp, ... Quan tâm, chăm sóc các di tích lịch sử, công trình văn hóa thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng dạy và học; Đồng thời, tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh

Trong những năm qua, nhà trường đã phối hợp tốt mối quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh. Hằng năm, nhà trường đều tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Nghị quyết đầu năm học đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và thực hiện tốt nhiệm vụ theo đúng Điều lệ. Công tác phối hợp giữa nhà trường với các đoàn thể đã góp phần tích cực và mang lại hiệu quả trong hoạt động giáo dục của đơn vị.

Trường thực hiện tốt các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Điểm yếu

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là thước đo chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các quy định về chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy. Thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chú trọng rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; đảm bảo các hoạt động giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe của học sinh. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng đi lên, khẳng định vị thế của nhà trường đối với địa phương, đối với ngành.

Cán bộ, giáo viên đã thực hiện tốt chương trình giáo dục, triển khai hiệu quả các nội dung giáo dục trong nhà trường nên đã thu được kết quả đáng khích lệ về chất lượng học tập của học sinh được nâng cao qua từng năm học; công tác giáo dục thể chất được chăm lo và phát triển.

Giáo viên tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú và phù hợp với thực tế nên học sinh tham gia rất tích cực.

Học sinh của nhà trường đạt nhiều thành tích cao trong các hội thi, hội thao các cấp.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần phù hợp với tình hình thực tế của trường [H1-1.8-01].

Trường thực hiện dạy đủ các môn học, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, đảm bảo yêu cầu các chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng theo từng học kỳ và từng tháng đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học thông qua kế hoạch kiểm tra nội bộ hằng năm [H1-1.2-04]; [H1-1.4-07]; [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn duyệt [H1-1.8-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường luôn cập nhật các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.8-01].

Nhà trường luôn phổ biến và công khai đến toàn thể giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh qua bảng tin, trang web của trường, các buổi họp cha mẹ học sinh, sổ báo bài hàng ngày của học sinh để cha mẹ học sinh và cộng đồng biết, cùng phối hợp, giám sát nhà trường cùng thực hiện kế hoạch, tuy nhiên công tác phối hợp và giám sát của cộng đồng chưa được tốt.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện đúng mục tiêu, chương trình, kế hoạch dạy học theo quy định. Kế hoạch hoạt động chuyên môn được nhà trường xây dựng cụ thể, rõ ràng theo tuần, tháng, học kỳ, năm học, nhằm thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch năm học.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp, giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện kế hoạch nhà trường đôi lúc chưa thường xuyên, kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì và phát huy việc thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của ngành, đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục đã đề ra, tuyên truyền sâu rộng hơn nữa đến cộng đồng để nhận được ý kiến phản biện xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo đúng mục tiêu giáo dục [H5-5.2-01].

Giáo viên thường xuyên vận dụng mô hình từng phần trường học mới VNEN vào giảng dạy trên cơ sở tiếp nối các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp và kĩ thuật dạy học hợp tác, phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học cá thể hóa, vận dụng các trò chơi vào dạy học các bộ môn, áp dụng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực vào giảng dạy, dạy học Mĩ thuật theo phương pháp Đan Mạch, đưa âm nhạc dân tộc vào giảng dạy trong các tiết học âm nhạc và sinh hoạt câu lạc bộ [H5.5.2-02].

Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT dành cho học sinh lớp 2,3,4,5; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 dành cho học sinh lớp 1 năm học 2020-2021 thực hiện nhận xét hằng tháng, nhận xét định kỳ giữa học kỳ và cuối học kỳ đúng quy định trên hệ thống cổng thông tin điện tử [H5.5.2-03].

Mức 2:

Trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh theo Công văn số 9832/BGD&ĐT-GDTH ngày 01 tháng 9 năm 2006. Vận dụng tốt Công văn 896/BGD&ĐT-GDTH và văn bản 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc hướng dẫn điều chỉnh việc dạy học cho học sinh tiểu học; các công văn chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Thời khóa biểu có tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học và thực hiện 7 tiết học/ngày [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02].

Hằng năm, nhà trường đều đề ra kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về thể dục thể thao, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhưng chưa bồi dưỡng học sinh năng khiếu về các môn văn hóa [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05].

Mức 3:

Thực hiện chưa tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục của nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm. Nhà trường luôn quan tâm và kịp thời thống kê kết quả đạt được của học sinh sau mỗi lần kiểm tra định kỳ. Qua đó nhận định, rút kinh nghiệm ở các tổ chuyên môn để có định hướng cho công tác phụ đạo và bồi dưỡng học sinh được tốt hơn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa bồi dưỡng học sinh năng khiếu về các môn văn hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đầu tư xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu về văn hóa; duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục của học sinh; chú trọng công tác giáo dục học sinh gặp khó khăn và học sinh học hòa nhập trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, qua đó các em tự tin hơn trong giao tiếp và thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó trong quan hệ bạn bè [H5-5.3-01].

Nhà trường thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh. Ngoài kế hoạch chung, mỗi hoạt động có kế hoạch riêng phù hợp từng thời điểm, tâm sinh lý học sinh, tình hình thực tế nhà trường như: Tham quan ngoại khóa, phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ, hội thi và hoạt động lễ hội như: Hội thi trang trí lồng đèn Trung thu, hội thi Kể chuyện sách, hội thi trang trí trường lớp, lễ hội mừng Xuân hằng năm, hoạt động trải nghiệm tại vườn trường do thầy cô cùng các em trồng, chăm sóc, tìm hiểu sự sinh trưởng của cây sau các bài học. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp đảm bảo cho tất cả học sinh tham gia [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, hội thi trong và ngoài nhà trường. Từ năm học 2019-2020 cho đến nay, trường kết hợp Trung tâm giáo dục Kỹ năng sống quốc tế GAIA tổ chức các chuyên đề như: Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em; Sống để yêu thương; Tự bảo vệ chăm sóc bản thân; Tác hại nghiện game, sử dụng điện thoại... thu hút sự tham gia của học sinh rất nhiệt tình và hiệu quả. [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Từ năm học 2019-2020 cho đến nay, trường kết hợp Trung tâm ngoại ngữ Thành Đồng Việt đưa giáo viên bản ngữ vào giảng dạy tiếng Anh trong nhà trường. Trường phối hợp với trung tâm tổ chức ngày hội giao tiếp tiếng Anh, hội thi Rung chuông vàng, I want to be a scientist... cho tất cả các em học sinh các khối lớp tham gia [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa thực hiện được nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tạo không khí sôi nổi thu hút học sinh tham gia. Qua đó giáo dục học sinh được ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, lòng yêu quê hương, đất nước.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa thực hiện được nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022–2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tuyên truyền trong cha mẹ học sinh ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập ngoại khóa. Đồng thời phối hợp với bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ theo năng khiếu, sở trường học sinh tạo các em phát triển năng lực tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90 %;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95 %.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn thực hiện phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, nhà trường thực hiện tốt “Ngày

toàn dân đưa trẻ đến trường” bằng nhiều hình thức, tạo không khí vui tươi cho học sinh, tổ chức giới thiệu “Ngôi trường Tiểu học của em” cho trẻ 5 tuổi của Trường Mầm non Sơn Ca vào lớp 1 để giúp học sinh khỏi bỡ ngỡ trước khi chuyển sang môi trường mới. Trường tiến hành rà soát trẻ vào lớp 1 đúng độ tuổi theo từng năm học, thực hiện tốt công tác tuyển sinh và vận động trẻ ra lớp, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương [H5-5.4-01].

Trong địa bàn tuyển sinh của trường đạt tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-01].

Trường tổ chức quản lý hồ sơ khoa học, cập nhật số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đầy đủ, đúng quy định [H5-5.4-01].

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-01].

Mức 3:

Tổ chức tốt công tác tuyển sinh và tiếp nhận tất cả học sinh 6 tuổi vào lớp Một; phát động tốt ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động được 100% trẻ 6 tuổi ra lớp [H1-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, các đoàn thể, cha mẹ học sinh quản lý chặt chẽ, không để các em bỏ học giữa chừng. Các hoạt động giáo dục khác luôn được nhà trường đầu tư, phong phú và sáng tạo từ nội dung đến hình thức; khuyến khích và tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

3. Điểm yếu

Nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác chuyên trách phổ cập nên đôi khi việc cập nhật hồ sơ đầu cấp còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tạo điều kiện về thời gian cho nhân viên chuyên trách phổ cập của trường sắp xếp công việc hợp lý hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80% đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99 % trong 5 năm liên tục [H5-5.5-01].

Năm học	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học	Tỷ lệ
2018-2019	2522	2512	99,6%
2019-2020	2538	2528	99,6%

2020-2021	2600	2539	97,7%
2021-2022	2600	2582	99,31%
2022-2023	2627	2614	99,50%

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100 % trong 5 năm liên tục [H5-5.5-02].

Năm học	Tổng số học sinh lớp 5	Hoàn thành chương trình Tiểu học	Tỷ lệ
2018-2019	718	718	100%
2019-2020	467	467	100%
2020-2021	238	238	100%
2021-2022	299	299	100%
2022-2023	733	733	100%

Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 98% trở lên [H5-5.5-02].

Kết quả giáo viên, học sinh tham gia các hội thi [H5-5.5-03].

Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Có 03 học sinh đạt giải Viết đúng viết đẹp cấp huyện. Có 04 học sinh đạt giải hội thi Toefl Primary – Step 2 và	Có 04 giáo viên đạt viết chữ đẹp cấp huyện. Có 02 học sinh đạt giải cấp Quốc gia hội thi Toán trên Internet. Có 10 học sinh được	Có 05 giáo viên đạt viết chữ đẹp cấp huyện. Có 02 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện Có 10 học sinh được nhận học bổng tham gia tốt hội thi Ý tưởng trẻ thơ do Sở GDĐT kết	Giáo viên giỏi cấp trường đạt 16 giáo viên. Giáo viên giỏi cấp huyện đạt 02 giáo viên Giáo viên giỏi cấp thành phố đạt 01 giáo viên. HS đạt giải LQĐ- Đợt 1 và Đợt 2: 02	Tập thể Lao động Tiên tiến cấp TP Tập thể Lao động Xuất sắc cấp TP Bằng khen UBND TP GV đạt giải nhì cầu lông cấp huyện Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022 Tập thể đạt danh hiệu Đơn vị văn hóa, công sở văn minh sạch đẹp. Công tác giáo dục thể chất đạt tiên tiến cấp thành phố Tập thể tham gia tốt hội thi giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi đồng

Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
01 học sinh đạt giải IOE cấp huyện. Trường đạt 16 giải ở các môn thể dục thể thao cấp huyện	bổng tham gia tốt hội thi Ý tưởng trẻ thơ do Sở GDĐT kết hợp Công ty Hon đa Việt Nam tổ chức.	hợp Công ty Hon đa Việt Nam tổ chức. Có 09 học sinh được công nhận hội thi IOE cấp huyện. Có 03 học sinh được công nhận hội thi IOE cấp Quốc gia. Có 48 học sinh được công nhận hội thi Toán – Tiếng Việt cấp huyện Có 22 học sinh được công nhận hội thi Toán – Tiếng Anh cấp thành phố. Có 05 học sinh được công nhận hội thi Toán – Tiếng Anh cấp Quốc gia.	HS đạt Toán Violimpic cấp trường: 59 HS đạt Toán Violimpic cấp huyện: 25 HS đạt Toán Violimpic cấp thành phố: 39 HS đạt giải IOE cấp trường: 32 HS đạt giải IOE cấp huyện: 28 HS đạt giải IOE cấp thành phố: 05 HS đạt Trạng Nguyên toàn tài cấp huyện: 23 HS đạt Trạng Nguyên toàn tài cấp TP: 08 HS đạt giải Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp thành phố: 02 HS đạt giải TDTT cấp huyện: 03 HS đạt giải TDTT cấp thành phố: 01 HS đạt giải hội thi Phụ trách sao giỏi cấp huyện: 06 Liên đội đạt giải 1 hội thi clip “Học sinh hát Quốc ca tại địa chỉ đỏ” cấp huyện.	Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm. Hoàn thành chương trình tiểu học 100% Hiệu suất đào tạo 100% Liên đội xuất sắc Tham gia hội thi GVCN giỏi cấp huyện đạt: 02 GV Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố: 01 Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giải Nhì (Bảng A) Hội thi tìm hiểu Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng thời đại” lần 10-năm 2022 cấp thành phố GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: 10 Trường đạt giải phụ hội thi Môi trường xanh cấp huyện Liên đội đạt giải Nhất nghi thức đội và giải Nhì điều hành Hội thi Toán – tiếng Anh trên internet cấp huyện: 9 HS Hội thi Toán – tiếng Anh trên internet cấp tỉnh: 4 HS Hội thi Violimpic tiếng Việt trên internet cấp huyện: 14 HS Hội thi Violimpic tiếng Việt trên internet cấp tỉnh: 19 HS

Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
		Có 08 học sinh đạt giải hội thi sản phẩm sáng tạo cấp huyện. Có 06 học sinh đạt giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi đồng Có 03 học sinh đạt giải III các môn thể dục thể thao cấp huyện	Có 37 giáo viên đạt viết chữ đẹp cấp trường. Có 06 giáo viên đạt viết chữ đẹp cấp huyện	Hội thi Trạng Nguyên tiếng Việt trên internet cấp huyện: 28 HS Hội thi Trạng Nguyên tiếng Việt trên internet cấp huyện: 39 HS Hội thi Violimpic tiếng Việt trên internet cấp trường: 150 HS Hội thi IOE tiếng Anh trên internet cấp huyện: 11 HS Hội thi IOE tiếng Anh trên internet cấp tỉnh: 8 HS Hội thi IOE tiếng Anh trên internet cấp Quốc gia: 02 HS Trường có 07 em đạt đợt 1; đợt 2 và vào vòng chung kết giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi Đồng.

Mức 2:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99% [H5-5.5-01].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99% [H5-5.5-01].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh lên lớp, hoàn thành chương trình lớp học đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu khen thưởng tăng dần qua từng năm. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt theo kế hoạch đề ra. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục học sinh của nhà trường được giữ vững, ổn định qua nhiều năm. Học sinh tích cực tham gia các hội thi do nhà trường, huyện và thành phố tổ chức.

3. Điểm yếu

Năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn cũng như đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh chậm tiến bộ ngay từ đầu năm học và đề ra những biện pháp cụ thể nhằm giúp học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường thực hiện xây dựng đầy đủ các kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn với nhiều giải pháp thiết thực đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục học sinh. Tỷ lệ học sinh lên lớp, hoàn thành chương trình lớp học đạt theo kế hoạch. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn được giữ vững ở tỷ lệ 100% qua nhiều năm. Hoạt động ngoài giờ lên lớp luôn được nhà trường chú trọng, đầu tư nhằm tạo cơ hội cho học sinh phát triển năng khiếu, rèn luyện kỹ năng sống, chủ động, sáng tạo trong học tập, tích lũy kiến thức cho bản thân. Nhiều năm qua, nhà trường đều thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tại địa phương, có biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật được đến trường.

Điểm yếu cơ bản

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học qua ba năm học gần đây chưa đạt 100%.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05.

Số lượng tiêu chí đạt không yêu cầu: 00/05.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Thông qua việc kiểm định chất lượng giáo dục, trường xác định được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình tổ chức, hoạt động, đề ra chiến lược phát triển cụ thể tốt hơn về: Công tác tổ chức quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà trường đã đạt được trong những năm qua, căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Hội đồng tự đánh giá Trường Tiểu học Trần Văn Danh kết luận cụ thể như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 - Tỷ lệ: 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/27 - Tỷ lệ: 00%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 22/27 - Tỷ lệ: 81,5%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 05/27 - Tỷ lệ: 18,5%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 05/19 - Tỷ lệ: 26,3%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 11/19 - Tỷ lệ: 73,7%;
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Trần Văn Danh: Mức 1;
- Trường Tiểu học Trần Văn Danh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Hóc Môn, ngày 12 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Tài

PHẦN IV: PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	S T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Trần Văn Danh giai đoạn (2020-2025).	Số 262/KH-TVD, ngày 26/10/2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng bộ Đông Thạnh nhiệm kỳ 2015-2020	Năm 2015	Đảng bộ Đông Thạnh	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh và đường link công khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.	Năm học 2020-2021	TPT Đội	Văn thư
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng trường Trường Tiểu học Trần Văn Danh nhiệm kỳ 2016-2021.	Số 405/QĐ-GDĐT, ngày 12/5/2014	Phòng GDĐT huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng các năm.	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	1	[H1-1.3-01]	Quyết định về việc công nhận ban Chấp hành và Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Tiểu học Trần Văn Danh, nhiệm kỳ 2017-2022.	Số 127/QĐ-CDGD của Công đoàn giáo dục ngày 20/10/2017	Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn.	Chủ tịch Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định Chuẩn y Ban Chấp hành chi đoàn Trường Tiểu học Trần Văn Danh .	Quyết định công nhận của BCH Đoàn Trần Văn Danh từ năm 2016- 2017 đến 2019-2020	Bí thư đoàn TNCS xã Đông Thạnh	Bí thư đoàn

Tiêu chí 1.3	3	[H1-1.3-03]	Quyết định Chuẩn y Ban Chỉ huy Liên đội Trường Tiểu học Trần Văn Danh .	Quyết định công nhận của BCH Liên đội Trần Văn Danh từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020.	Hội đồng Đội huyện Hóc Môn	Tổng phụ trách Đội
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định Chuẩn y Ban chấp hành chi hội khuyến học Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Quyết định số 39/QĐ-HKH ngày 7/6/2015 Chuẩn y Ban chấp hành chi hội khuyến học; Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hội khuyến học Trường Trần Văn Danh	Chủ tịch Công đoàn
	5	[H1-1.3-05]	Quyết định thành lập chi bộ Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Quyết định số 10-QĐ/ĐU ngày 8/3/2011 của Đảng ủy xã Đông Thạnh về việc thành lập Chi bộ.	Đảng bộ xã Đông Thạnh	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.3-06]	Nghị quyết công tác tháng của chi bộ.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ

	7	[H1-1.3-07]	Giấy khen Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2015 đến 2019.	Năm 2015 đến 2019.	Đảng bộ xã Đông Thanh	Bí thư chi bộ
	8	[H1-1.3-08]	Giấy khen các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Liên Đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2015 đến 2019.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020.	Do các Đoàn thể ký	Các đoàn thể
	9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020.	Bộ phận y tế	Phòng y tế
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Văn Danh .	Số 949/QĐ-UBND ngày 18/3/2019	UBND huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Số 357/QĐ-UBND ngày 26/10/2000; Số 950/QĐ-UBND ngày 18/3/2019;	UBND huyện Hóc Môn	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Có các quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, văn phòng.	Quyết định từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của các tổ theo tháng, học kỳ, năm học.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Sổ họp chuyên môn của tổ.	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020	Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch chuyên đề và hồ sơ thực hiện chuyên đề.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Báo cáo sơ, tổng kết chuyên môn	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ; sổ theo dõi sĩ số học sinh.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Văn thư	Văn thư, học vụ
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý văn bản, công văn.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản, tài chính.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ dự toán, quyết toán.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng

	4	[H1-1.6-04]	Công khai tài chính.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.6-07]	Hệ thống các phần mềm quản lý tài chính, tài sản, nhân sự.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng nhân sự	Hồ sơ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và BDTX từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Quyết định phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	3	[H1-1.7-03]	Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Công đoàn	Chủ tịch công đoàn
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Biên bản kiểm tra chuyên môn của cấp trên	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế thực hiện dân chủ.	Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Sổ tiếp công dân	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở hằng năm.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an toàn trường học.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Y tế

Tiêu chí 1.10	2	[H1-1.10-02]	Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học trên địa bàn xã Đông Thanh (giai đoạn 2016-2020).	Số 68/QCPH-THTVD-CA ngày 21/3/2016	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Các hồ sơ về an toàn, an ninh trường học.	Từ năm học 2018-2019; 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm.	Quyết định 806/2019/ATTP-CNĐK ngày 01/9/2019 chứng nhận cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm.	Ban an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố	Y tế
	5	[H1-1.10-05]	Hộp thư góp ý.	Lắp đặt trước cổng trường	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Giấy công nhận trường được công nhận trường học an toàn.	Năm 2017; 2018; 2019;2020	UBND xã Đông Thanh	Văn thư
	7	[H1-1.10-07]	Các văn bản tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Các văn bằng của CBQL	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Đại học sư phạm	Văn thư

	2	[H2-2.1-02]	Phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Văn bản triệu tập lớp bồi dưỡng của Cán bộ quản lý.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Huyện ủy, UBND huyện Hóc Môn	Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng tổng hợp trình độ đội ngũ.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ cán bộ công chức của giáo viên	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ cán bộ công chức của nhân viên	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh các năm học	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Bảng tổng hợp đánh giá học sinh cuối năm	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng

	3	[H2-2.4-03]	Sổ nhận xét, đánh giá thi đua tuần	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	TPT Đội	TPT Đội
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh Khuôn viên trường học	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, biển tên trường và tường rào.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thiết bị
	4	[H3-3.1-04]	Hồ sơ xây dựng nhà trường	Năm học 2019-2020	UBND huyện Hóc Môn	Kế toán
	5	[H3-3.1-05]	Danh mục thiết bị dạy học	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thiết bị
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ phòng học của nhà trường.	Năm học 2019-2020	Văn thư	Văn thư
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh bàn ghế giáo viên, học sinh	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh các lớp học	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	4	[H3-3.2-04]	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu	Năm học 2018-2019	Thư viện	Thiết bị

				Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối phòng phục vụ học tập	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khối phòng hành chính quản trị	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh khu để xe	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H3-3.4-02]	Hộp đồng nước uống cho học sinh	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hóa đơn nước sinh hoạt và kết quả kiểm nghiệm mẫu nước.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Y tế
	4	[H3-3.4-04]	Hộp đồng dịch vụ công ích thu gom rác	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Y tế
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh thùng đựng và phân loại rác thải riêng biệt	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư

Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh thiết bị văn phòng	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	2	[H3-3.5-02]	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thiết bị
	3	[H3-3.5-03]	Hình ảnh máy tính kết nối Internet	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Văn thư
	4	[H3-3.5-04]	Hóa đơn mua sắm thiết bị dạy học	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Hồ sơ tổ chức thi làm đồ dùng dạy học	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hóa đơn mua sách, báo	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Lịch hoạt động thư viện	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Giấy chứng nhận thư viện tiên tiến	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Thư viện

Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản họp CMHS các lớp	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Hồ sơ Đại hội đại biểu CMHS trường	năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Biên bản họp ban đại diện CMHS các năm học	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-04]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	5	[H4-4.1-05]	Báo cáo tổng kết Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản tham mưu UBND xã Đông Thạnh hỗ trợ nhà trường trong tác đảm bảo an ninh trật tự.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Các hình ảnh hoạt động giáo dục truyền thống	Năm học 2018-2019 Năm học 2019 - 2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Chuyên môn
	3	[H4-4.2-03]	Văn bản tham mưu Phòng GD&ĐT huyện Hóc Môn về chiến lược phát triển nhà trường.	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Hiệu trưởng

Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khoá biểu	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Giáo án của giáo viên	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Báo cáo tổng kết việc thực hiện TT22/BGD	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch phụ đạo học sinh chậm tiến bộ	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.2-05]	Kế hoạch bồi dưỡng năng khiếu thể dục thể thao	Năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch tổ chức các lễ hội, hội thi	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ tham gia thể dục thể thao	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Danh sách học sinh hoàn thành chương trình lớp học.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Danh sách học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.5-03]	Danh sách giáo viên, học sinh đạt giải các hội thi.	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	Phó hiệu trưởng